

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/ 02/ 2021

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Diệu Thúy.

2. Bà Nguyễn Thị Thìn.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05/ 02/ 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/ 10/ 2020 về việc “*Kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/ 01/ 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đào Thị H, sinh năm 1985 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã T, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Đình T, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường M, thị xã M1, tỉnh H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã T, tỉnh B.

*** Người làm chứng:**

Anh Đào Duy Trung, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Đình T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1 (*Nay là thị xã M1*), tỉnh H năm 2014 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn ngay sau khi cưới một thời gian ngắn và mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên vắng nhà không lý do. Anh T thậm chí còn nghiện ma túy, nhiều lần chị khuyên bảo là từ bỏ ma túy nhưng anh T không nghe nên vợ chồng xảy ra to tiếng, cãi vã. Thực tế, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định, cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thuận để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Bị đơn anh Bùi Đình T trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Về thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn, anh T xác định như chị H đã trình bày. Nay, anh đồng ý ly hôn với chị H và đồng thời anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

[2]. Về con chung:

Nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Linh đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung..

Bị đơn anh Bùi Đình T trình bày: Anh cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015. Khi ly hôn, anh nhất trí theo ý kiến của chị H là giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản; Vay nợ; Công sức và Ruộng nông nghiệp: Chị H và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với người làm chứng là anh Đào Duy T (*là anh trai của chị H*) trình bày: Sau khi kết hôn, anh T về ở rể ở nhà bố mẹ đẻ anh nhưng từ tháng 9 năm 2017 đến nay là anh T không về chung sống cùng chị H vì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, đến nay không tìm được tiếng nói chung. Anh và gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo để anh chị bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay tình cảm vẫn chưa được cải thiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh T đang bị tạm giam tại Trại tam giam Công an tỉnh H. Vì vậy, phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn chị Đào Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Đình T; Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015 đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H và xử cho chị H được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L; Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị H và anh Bùi Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1 (*nay là Ủy ban nhân dân phường M, thị xã M1*) vào năm 2014 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Hiền khởi kiện xin ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh T có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố P, phường M, thị xã M1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M1, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là anh T; Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu L và vắng mặt người làm chứng là anh T nhưng những người này đều đã có đơn và lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị H và anh T đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn là từ cuối năm 2016 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Anh chị đều xác định về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống và không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng thường

xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan hệ vợ chồng. Nay chị H xác định cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn và chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với anh T, anh đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Lời khai của anh chị đã phù hợp với lời khai của anh T là anh trai của chị H và phù hợp với nội dung cung cấp của chính quyền địa phương, đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L.

Xét yêu cầu này của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu L hiện còn nhỏ, đang ở với chị H. Đối với chị H thì hiện tại có nơi ăn, chốn ở, công việc và thu nhập ổn định. Đối với anh T hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H để phục vụ điều tra của công an thị xã M1. Quan điểm của anh T cũng nhất trí giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên việc giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đủ điều kiện để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cháu L. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L.

[4] Về tài sản; Vay nợ; Công sức và Ruộng nông nghiệp: Chị H và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Bùi Đình T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 12/6/2015 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu L thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Anh T và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3]. Về tài sản; Vay nợ; Công sức và Ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Buộc chị Đào Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004291 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M1, tỉnh H. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường M;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nam Thắng

